

## VỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI

BÙI THẾ CƯỜNG

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Một bạn, khi nghe đề cập vấn đề "công tác xã hội", một đồng nghiệp đáp: "Bây giờ có ai nói đến việc cũ kỹ ấy?" .

Một lần khác, sau khi đọc một tài liệu về công tác xã hội đã được dịch sang tiếng Anh, một đồng nghiệp hỏi: "Công tác xã hội dịch sang tiếng Anh là social work có đúng không? Anh tự chọn từ đó hay lấy ở đâu?".

Một dịp nữa, khi được đề nghị cử cán bộ của mình đến tham gia lớp huấn luyện công tác xã hội tại Viện Xã hội học, một bạn đồng nghiệp ngạc nhiên hỏi lại: "Huấn luyện về công tác xã hội thì làm cái gì?".

Với ba sự việc trên, và phải nói ngay là chúng đều xảy ra ở Hà Nội, có thể nêu lên mấy nhận xét: thứ nhất, công tác xã hội có vẻ như đang bị mất tín nhiệm ở một số người, bởi nó kém hiệu quả. Thứ hai, cũng không ít người quen nghĩ rằng công tác xã hội không có gì phải huấn luyện và đào tạo công phu; đó là một công việc thông thường cứ thế mà làm, như vẫn đang làm. Thứ ba, nhiều người chưa nhìn thấy mối tương liên giữa công tác xã hội trong nước với công tác xã hội ở ngoài nước mà người ta vẫn gọi là "social work". Điều này là một cái gì sâu xa hơn vấn đề từ ngữ, phản ánh sự khác biệt về quan niệm và phương pháp của cùng một lĩnh vực hoạt động thực tiễn. Hơn nữa, công tác thông tin khoa học trong nước đang còn ở trình độ kém phát triển. Đã có không ít nguồn tài liệu khoa học về công tác xã hội cũng như đã có cả một thực tiễn sôi động và phong phú của công tác xã hội lẫn "social work" do các tổ chức phi chính phủ (NGO) nước ngoài thực hiện ở nước ta, song với nhiều nhà khoa học ở các bộ môn rất gần gũi với công tác xã hội, thì sự tồn tại, nội dung và ý nghĩa của nó vẫn còn là điều rất lạ lẫm.

### XÃ HỘI HỌC, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ TÁC XÃ HỘI

Theo quan sát của tác giả bài này, thì việc sử dụng thuật ngữ "chính sách xã hội" nổi lên ở nước ta vào quãng trước sau năm 1985, khi Việt Nam đang ở ngưỡng cửa của đường lối đổi mới sẽ được tuyên bố vào năm 1986 tại Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ sáu. Trước đó chừng 5-7 năm, bạn đọc đã có thể biết đến thuật ngữ này qua những bài thông tin khoa học về chính sách xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô (cũ). Từ đó chính sách xã hội với tính cách một chủ đề và một thuật ngữ khoa học thường xuyên được đề cập trong đời sống sinh hoạt khoa học xã hội nước ta.

Như vậy, khái niệm chính sách xã hội đã vào nước ta trước hết từ các tài liệu khoa học của Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu, nơi mà khái niệm này được thảo luận rộng rãi từ đầu hoặc giữa thập niên 70 trở đi, tùy từng nước. Nhưng bây giờ ở ta ít ai để ý rằng khái niệm chính sách xã hội bắt nguồn xa hơn nữa, cả về địa lý lẫn lịch sử, từ truyền thống

khoa học xã hội của châu Âu.

Xã hội học, chính sách xã hội và công tác xã hội, mặc dù là ba lĩnh vực khác nhau, song đều là con đẻ của một không gian xã hội đặc thù có một không hai trong lịch sử: cuộc cách mạng công nghiệp tư bản chủ nghĩa Âu- Mỹ thế kỷ XIX trong khung cảnh nền văn hóa Thiên chúa giáo.

Trước một loạt những vấn đề xã hội sản phẩm của cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ XIX, mà sức tàn phá của chúng làm chần động xã hội châu Âu, vấn đề xã hội bao trùm nhất là "vấn đề công nhân" như các tài liệu đương thời vẫn gọi, tức là vấn đề về sự tồn tại xã hội của giai cấp vô sản công nghiệp và theo đó là bản thân sự tồn tại của kiểu xã hội đã sản sinh ra giai cấp ấy và đã để cho nó ở trong một hoàn cảnh khốn cùng đến như thế. Trước tình hình đó đã dẫn đến ba khuynh hướng quan trọng có ý nghĩa lịch sử: một số học giả (trước hết ở Pháp) đã tạo nên bộ môn xã hội học, với tham vọng lấy đó làm công cụ để nhận thức một cách thực chứng sự vận động của xã hội hiện đại, từ đó thực hiện các cải cách xã hội, chữa trị các bệnh tật xã hội. Những người khác (chủ yếu bắt nguồn từ nền khoa học xã hội Đức, chính xác hơn từ các khoa học về nhà nước, lĩnh vực rất phát triển ở Đức thời đó) thì đề ra khái niệm chính sách xã hội như là một lĩnh vực nghiên cứu đặc thù về một thực tiễn riêng biệt, đó là chính sách xã hội nhà nước, nhằm giải quyết "vấn đề xã hội" của thời đại. Khuynh hướng thứ ba (điển hình ở Anh và sau đó ở Mỹ) muốn hướng hoạt động vào thực tế: họ đi vào thế giới những người lao động và nghèo khổ để tìm hiểu và trực tiếp giúp đỡ từng cá nhân, từng gia đình, khu xóm, nhằm cải thiện hoàn cảnh sống. Đây là khuynh hướng mà sau này gọi là công tác xã hội.

Ba khuynh hướng nêu trên đã phát triển vừa độc lập, vừa liên hệ khăng khít với nhau. Cũng không loại trừ những thăng trầm trong quan hệ. Đã có thời kỳ dài, như ví dụ ở Mỹ chứng tỏ, xã hội học và công tác xã hội quay lưng lại với nhau và chỉ trích lẫn nhau. Tuy nhiên từ lâu rồi, không ở đâu còn một tình trạng ấu trĩ như vậy nữa.

Mối tương liên giữa chính sách xã hội và công tác xã hội thì vừa rõ ràng vừa mơ hồ. Trong cách hiểu truyền thống Đức, công tác xã hội như là một lĩnh vực hoạt động thuộc phạm trù chính sách xã hội. Còn trong các nước nói tiếng Anh thì có vẻ ngược lại; chính sách xã hội là một cấp độ cao (cấp độ chính sách) của thực tiễn công tác xã hội. Tuy vậy, ở cả hai cách hiểu, chưa bao giờ chính sách xã hội và công tác xã hội được xem như là đồng nhất với nhau hoặc cái nọ thuộc vào cái kia hoàn toàn.

### TÌNH HÌNH Ở VIỆT NAM

Trong một bài viết cho Tạp chí *Xã hội học* số 1.1992, tôi đã nêu lên một sơ đồ về ba trạng thái ở nước ta của mối quan hệ giữa ba cực: nhà nghiên cứu xã hội, nhà quản lý và xã hội. Cũng có thể xem là ba giai đoạn, vì quá thật chúng có vẻ kế tiếp nhau, hoặc xem là ba cách thức tương tác. Dĩ nhiên mọi sơ đồ chỉ phản ánh được xu hướng chính nào đó mà không phải là toàn bộ mọi tương tác.

Ở trạng thái thứ nhất, chiều tác động chủ yếu là: nhà quản lý ---> nhà nghiên cứu - - > xã hội, trong đó nhà quản lý tác động đến nhà nghiên cứu bằng tư tưởng chỉ đạo và tổ chức, còn nhà nghiên cứu thì tác động vào xã hội, chẳng hạn, bằng bài viết để bạn đọc xem.

Ở trạng thái thứ hai, xu hướng tác động là: nhà nghiên cứu --- > nhà quản lý --- > xã hội, trong đó nhà nghiên cứu đệ trình những kiến nghị khoa học để nhà quản lý lựa chọn

## 12. Về công tác xã hội

và ra các chính sách và quyết định. Trạng thái này đặc biệt nổi bật trong thời kỳ chuẩn bị đổi mới, và hiện nay đang được tiếp tục một cách có ý nghĩa.

Đặc trưng của trạng thái thứ ba là sự tác động trực tiếp của nhà khoa học vào xã hội (nhà nghiên cứu xã hội -- > xã hội), tức là không phải bằng kiến nghị với nhà quản lý để ông ta thay đổi chính sách và quyết định của mình, mà bằng sự tham gia vào thực tiễn công tác xã hội. So với trạng thái trước, ở đây thay vì hướng lên trên, thì anh ta hướng xuống dưới, và như vậy, nhà nghiên cứu khoa học một phần đã đóng vai trò nhà công tác xã hội, làm việc với con người ở cơ sở. Vai trò của giới hàn lâm trong công tác xã hội ít nhất cũng thấy rõ ở các khâu như phát triển lý luận công tác xã hội, đào tạo nhân viên công tác xã hội, nghiên cứu ứng dụng công tác xã hội, tham gia điều hành các chương trình xã hội và dự án phát triển. Nói cách khác, tham gia vào cả ba trụ cột của thực tiễn công tác xã hội: nghiên cứu, đào tạo và thực hành.

Theo tôi, có thể nói rằng công tác xã hội là một thực tiễn từ lâu đã tương đối phát triển ở cả hai miền Nam và Bắc Việt Nam. Và ở mỗi nơi đều có mặt được mặt chưa được của nó. Ngày nay, trong khung cảnh "chính sách đổi mới", công tác xã hội nước ta đang có những cơ hội mới và thách thức mới. Quan sát xã hội Việt Nam mấy năm qua, người ta thấy một mặt là sự tăng lên của nhiều loại vấn đề xã hội, và mặt khác là sự khởi sắc của công tác xã hội, từ chương trình cứu trợ đến các dự án phát triển.

## TRỞ LẠI SỐ TẠP CHÍ CHUYÊN ĐỀ

Trước thực tế phong phú và đang chuyển mình ấy, Tạp chí *Xã hội học* dành một số chuyên đề đầu năm cho vấn đề công tác xã hội, để chúng ta có dịp thảo luận về một chủ đề quen thuộc với một cái nhìn mới. Bạn đọc sẽ rút ra nhận xét của mình, ở đây chỉ xin nêu lên một vài điều nhỏ.

1. Một điểm chung của các bài trong phần xã hội học thực nghiệm là những nghiên cứu ứng dụng nhằm nhận diện một vấn đề xã hội cụ thể và tìm kiếm các giải pháp công tác xã hội hay chính sách xã hội. Trong thuật ngữ của ngành công tác xã hội, chúng được gọi là các nghiên cứu hành động. Theo ý nghĩa đó, thường khi các nghiên cứu loại này có vẻ rất sơ sài, nếu nhìn theo tiêu chuẩn xã hội học ở cấp độ hàn lâm. Chúng thường chỉ là các cuộc điều tra sơ bộ về hoàn cảnh xã hội, ít khi vận dụng các khái niệm xã hội học "phức tạp".

Một số công trình nghiên cứu được giới thiệu ở đây trực tiếp là một phần hữu cơ của một dự án triển khai nào đó đang được dự định. Nói cách khác khi bắt tay vào nghiên cứu, mục tiêu đã rất rõ ràng và cụ thể: tạo ra những hiểu biết ban đầu để hướng dẫn cho một chương trình thực tế nhất định. Nhiều khi cá nhân hay tổ chức tiến hành nghiên cứu cũng trực tiếp là cá nhân hay pháp nhân sẽ thực hiện chương trình sau này.

2. Cũng là điều lý thú, nếu đề cập phương pháp của các nghiên cứu loại này. Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu của xã hội học thường được sử dụng rộng rãi ở đây, song với một vài cải tiến nhỏ nhưng rất có ý nghĩa. Với cuộc điều tra trên lượng mẫu 200 trẻ lang thang đường phố ở thành phố Hồ Chí Minh, anh Timothy Bond đã sử dụng một bảng hỏi rất nhiều câu hỏi mở. Theo quan điểm của nhà xã hội học, điều này làm khó khăn cho việc xử lý và giải thích kết quả. Tuy nhiên, với các nhà công tác xã hội, có vẻ như họ lại muốn như vậy. Vì như thế họ lắng nghe được nhiều hơn từ "thân chủ" của họ. Nhóm điều tra của anh đã dành rất nhiều thời gian không phải chỉ là để làm quen mà là để làm thân với trẻ sẽ được phỏng vấn. Tôi chắc rằng suốt cả năm 1992, nhóm anh Timothy rất

nổi tiếng trong cộng đồng trẻ lang thang đường phố thành phố Hồ Chí Minh. Nhờ đó, các cuộc phỏng vấn giữa điều tra viên và trẻ đường phố diễn ra như giữa những người bạn bè, những người anh em. Khỏi phải nói, chất lượng bảng phỏng vấn sẽ được đảm bảo như thế nào.

Các thành viên của Nhóm nghiên cứu công tác xã hội thành phố Hồ Chí Minh (xem bài: "Chân dung một khu phố đông dân cư nghèo ở thành phố Hồ Chí Minh") và của Nhóm nghiên cứu thuộc Chương trình can thiệp thí điểm do ban quốc gia phòng chống SIDA tổ chức (xem bài: "Một số nhận xét qua một cuộc điều tra tiếp cận với đối tượng có nguy cơ nhiễm HIV/SIDA"), đã đến với người được phỏng vấn ngay tại "hiện trường" (với nhóm đầu thì đó là khu xóm nghèo, trong các căn hộ ổ chuột, bên máy nước công cộng v.v...; với nhóm sau thì đó là nơi và lúc "hành nghề" của chị em làm nghề "bán hoa"), và không cầm theo bảng hỏi, để sao cho mỗi cuộc phỏng vấn được diễn ra trong một khung cảnh chuyện trò cảm thông. Họ điền các câu trả lời vào bảng hỏi chỉ sau đó, sau khi đã trò chuyện căn kẽ nhiều giờ với người mà họ muốn phỏng vấn. Cuộc nghiên cứu của tổ chức Care International do bà Barbara Franklin lãnh đạo phần lớn sử dụng "người trong cuộc" và dành cho họ vai trò rất đáng kể trong cuộc điều tra. Nhóm công tác xã hội cho dự án phát triển của tổ chức The Ockenden Venture mà tiếc rằng số tạp chí này chưa có điều kiện giới thiệu thật kỹ lưỡng (xem bài: "Một dự án phát triển cho những nhóm người bị thiệt thòi") đã lập bảng hỏi cho hàng trăm người để tái tạo lại toàn bộ những mảnh đời, những số phận của những người bị thiệt thòi. Mỗi hồ sơ cá nhân như vậy chỉ có thể được hoàn thành sau rất nhiều giờ, nhiều buổi cùng trò chuyện, vì phần lớn đó là những người già, những người tàn tật những người thần kinh không bình thường, v.v... nhằm tìm kiếm trong đó những manh mối mơ hồ nhỏ nhất về các mối liên hệ gia đình, các tiềm năng và khát vọng. Những người làm dự án này cho rằng chỉ sau khi tiến hành một công cuộc nghiên cứu cá nhân (case study) chi tiết như vậy, người ta mới có thể xây dựng nên những kế hoạch phát triển khả thi.

3. Ở phần diễn đàn xã hội học, bạn đọc sẽ được giới thiệu về một chủ đề tập trung: các tổ chức phi chính phủ (non-governmental organizations, NGO). Các tổ chức phi chính phủ là một hiện tượng có tính toàn cầu đến mức mà ngày nay người ta phải nói tới một "cộng đồng NGO", một nền "văn hóa NGO". Các NGO gắn chặt với công tác xã hội hiện đại, chúng là một bộ phận hữu cơ của thực tiễn này.

Có kiến thức đầy đủ và chính xác về NGO là điều đặc biệt cần thiết cho Việt Nam hôm nay, từ nhà quản lý cấp quốc gia, cấp địa phương, đến dân thường. Vì rằng, NGO và hoạt động của nó là một thực tiễn đang hình thành mạnh mẽ trong đời sống xã hội Việt Nam.

4. Cuối cùng, cần phải nói rằng số chuyên đề lần này chưa có khả năng cung cấp cho bạn đọc một hiểu biết có hệ thống về khái niệm công tác xã hội và những chặng đường lịch sử trong tiến trình phát triển của nó. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ có thể được thực hiện trong một tương lai gần.